

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Quý IV năm 2017**

Hà Nội - Tháng 01 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017 (Trình bày lại)
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.284.180.829.540</b>	<b>2.652.085.093.342</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>169.070.067.705</b>	<b>610.572.592.544</b>
1. Tiền	111		143.970.067.705	156.572.592.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.100.000.000	454.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>1.038.056.972.919</b>	<b>30.262.808.598</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.038.056.972.919	30.262.808.598
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>647.139.600.429</b>	<b>1.920.706.432.189</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	115.407.661.102	183.568.019.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.3</b>	25.725.691.468	1.286.540.518.899
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.250.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.4</b>	509.116.231.552	452.465.813.804
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.359.983.693)	(1.867.919.559)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>399.637.318.181</b>	<b>74.362.069.031</b>
1. Hàng tồn kho	141		407.657.437.842	74.362.069.031
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.020.119.661)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.276.870.306</b>	<b>16.181.190.980</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.6</b>	487.747.786	831.165.497
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.504.999.689	14.718.449.763
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.284.122.831	631.575.720
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.455.928.263.226</b>	<b>848.564.112.713</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>16.869.781.846</b>	<b>39.962.176.006</b>
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211	<b>V.3</b>	4.932.176.006	4.932.176.006
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		5.000.000.000	5.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.4</b>	6.937.605.840	30.030.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>828.640.899.103</b>	<b>216.504.600.189</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.7</b>	828.078.176.359	216.082.922.789
- Nguyên giá	222		1.715.098.428.729	418.572.479.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(887.020.252.370)	(202.489.556.232)
2. Tài sản cố định vô hình	227		562.722.744	421.677.400
- Nguyên giá	228		1.574.469.126	1.215.469.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.011.746.382)	(793.791.726)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>28.792.045.057</b>	<b>51.070.745.588</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		28.792.045.057	51.070.745.588
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>542.624.071.873</b>	<b>529.164.584.789</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		289.935.036.568	240.246.498.998
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		257.146.698.951	288.918.085.791
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.457.663.646)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.039.001.465.347</b>	<b>11.862.006.141</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.6</b>	645.965.353.851	9.343.471.071
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		243.410.028	-
4. Lợi thế thương mại	269		392.792.701.468	2.518.535.070
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>4.740.109.092.766</b>	<b>3.500.649.206.055</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

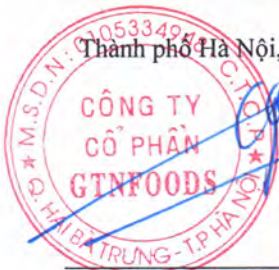
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>978.400.239.596</b>	<b>720.949.515.965</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>769.485.338.295</b>	<b>609.048.129.175</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	113.307.442.694	80.923.239.518
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		49.480.937.416	26.130.253.658
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	14.024.965.030	17.257.949.136
4. Phải trả người lao động	314		44.140.714.182	9.098.385.229
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	4.375.048.916	3.304.186.522
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		164.378.300	130.641.969
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	442.783.386.942	392.592.687.465
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	41.128.463.389	78.912.818.013
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		947.028.735	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		59.132.972.691	697.967.665
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>208.914.901.301</b>	<b>111.901.386.790</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		7.309.344.000	6.353.858.907
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	2.516.840.000	51.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9	2.369.074.609	97.369.074.609
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		196.546.251.692	7.954.062.274
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		173.391.000	173.391.000
<b>D. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>3.761.708.853.170</b>	<b>2.779.699.690.090</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>3.757.209.253.170</b>	<b>2.775.200.090.090</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		245.042.505.974	245.042.505.974
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.128.956.762	1.128.956.762
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(144.950.678.141)	(47.896.865.264)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.485.934.480	1.197.575.779
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		209.343.967	247.673.549
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.083.600.318	28.263.859.284
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.263.859.284	101.464.561.766
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(22.180.258.966)	(73.200.702.482)
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.136.209.589.810	47.216.384.006
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.499.600.000</b>	<b>4.499.600.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		4.499.600.000	4.499.600.000
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.740.109.092.766</b>	<b>3.500.649.206.055</b>

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018



**TẠ VĂN QUYỀN**  
Chủ tịch HĐQT

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**LÂM THỊ THÚY MAI**  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý IV năm 2017

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
<b>1.Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ</b>	01	<b>VI.1</b>	<b>823.815.549.437</b>	<b>501.712.843.063</b>	<b>3.788.534.771.645</b>	<b>1.822.420.845.432</b>
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.013.806.255	1.639.861.906	7.151.532.607	1.540.394.085
<b>3.Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ(10 = 01 - 02)</b>	10		<b>822.801.743.182</b>	<b>500.072.981.157</b>	<b>3.781.383.239.038</b>	<b>1.820.880.451.347</b>
4.Giá vốn hàng bán	11	<b>VI.2</b>	758.473.039.994	480.187.746.556	3.337.184.877.115	1.743.365.497.071
<b>5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20 = 10 - 11)</b>	20		<b>64.328.703.188</b>	<b>19.885.234.601</b>	<b>444.198.361.923</b>	<b>77.514.954.276</b>
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>VI.3</b>	24.765.569.595	9.984.625.389	114.271.686.116	25.951.153.804
7.Chi phí hoạt động tài chính	22	<b>VI.4</b>	1.500.285.341	13.092.491.519	5.658.838.199	24.570.308.137
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>837.288.176</i>	<i>8.288.495.203</i>	<i>4.612.383.446</i>	<i>23.654.774.684</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.695.491.730	3.661.644.998	(311.820.658)	10.766.814.399
9.Chi phí bán hàng	25	<b>VI.5</b>	76.561.615.308	6.989.874.374	267.562.997.550	19.471.525.045
10.Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	<b>VI.5</b>	19.395.151.220	11.312.950.904	143.737.883.509	54.616.788.425
<b>11.(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	30		<b>(6.667.287.356)</b>	<b>2.136.188.191</b>	<b>141.198.508.123</b>	<b>15.574.300.872</b>
12.Thu nhập khác	31	<b>VI.6</b>	12.576.190.430	10.480.340.347	28.859.560.959	18.656.225.469
13.Chi phí khác	32	<b>VI.7</b>	14.312.973.317	5.112.041.455	26.779.445.640	10.294.225.218
<b>14.(Lỗ)/Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>(1.736.782.887)</b>	<b>5.368.298.892</b>	<b>2.080.115.319</b>	<b>8.362.000.251</b>
<b>15.Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40)</b>	50		<b>(8.404.070.243)</b>	<b>7.504.487.083</b>	<b>143.278.623.442</b>	<b>23.936.301.123</b>
16.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	<b>VI.8</b>	(797.824.442)	656.432.270	14.973.152.923	5.523.943.358
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(5.363.735.099)	(1.025.953.804)	(4.179.393.643)	2.127.987.983
<b>18.(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 - 51 - 52)</b>	60		<b>(2.242.510.702)</b>	<b>7.874.008.617</b>	<b>132.484.864.162</b>	<b>16.284.369.782</b>
19. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(6.710.014.443)	7.180.306.660	14.436.392.501	15.961.629.305
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.467.503.741	693.701.957	118.048.471.661	322.740.477
<b>21. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	<b>VI.9</b>	<b>(27)</b>	<b>36</b>	<b>58</b>	<b>101</b>

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018



**TẠ VĂN QUYỀN**  
Chủ tịch HĐQT

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**LÂM THỊ THÚY MAI**  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2017

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>143.278.623.442</b>	<b>23.936.301.123</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	160.358.305.384	29.333.587.654
- Các khoản dự phòng	03	(1.672.186.611)	1.520.121.812
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	04	-	93.526.019
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(108.481.765.504)	(33.250.972.212)
- Chi phí lãi vay	06	4.612.383.446	23.654.774.684
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>198.095.360.157</b>	<b>45.287.339.080</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	35.999.196.256	(63.934.170.719)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.365.376.974	(38.087.033.721)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(262.474.271.245)	198.509.540.243
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	35.831.192.388	(7.799.164.357)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.628.797.685)	(25.785.087.701)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.894.162.024)	(10.642.099.653)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.500.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ Hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.706.105.179)</b>	<b>102.049.323.172</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(105.286.005.906)	(12.941.446.909)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	8.822.270.692	91.628.400
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(912.536.938.936)	(95.865.562.598)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	453.591.091.807	71.071.760.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(107.394.681.747)	(1.674.273.255.100)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	214.532.546.557	253.488.486.217
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	96.676.305.907	7.345.918.524
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(351.595.411.626)</b>	<b>(1.451.082.471.466)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.998.712.505.974
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	179.184.219.436	430.545.279.619
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(326.777.289.370)	(886.219.242.455)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	61.392.061.900	(42.469.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(86.201.008.034)</b>	<b>1.542.996.073.738</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(441.502.524.839)</b>	<b>193.962.925.444</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>610.572.592.544</b>	<b>416.449.029.291</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>160.637.809</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>169.070.067.705</b>	<b>610.572.592.544</b>

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018



**TẠ VĂN QUYỀN**  
Chủ tịch HĐQT

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**LÂM THỊ THÚY MAI**  
Người lập biểu

# CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần GTNfoods (gọi tắt là "Công ty").

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần GTNfoods được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 0105334948 vào ngày 17 tháng 11 năm 2016. Vốn điều lệ: 2.500.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính:

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp), ...

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.

#### 2. Công ty con được hợp nhất

##### Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung

- \* Địa chỉ: Lô 5 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, xã Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 90%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 90%

##### Công ty Cổ phần Tre Công nghiệp Mộc Châu

- \* Địa chỉ: Cụm CN Bó Bun, Thị trấn NT Mộc Châu, H. Mộc Châu, Sơn La
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 96,37%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 96,37%

##### Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNFOODS

- \* Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 100%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 100%

##### Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP

- \* Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 95 %
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 95%

##### Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

- \* Địa chỉ: 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 73,72 %
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 73,72%

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

##### 3. Công ty liên kết được hợp nhất

###### Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng

- \* Địa chỉ: Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 35%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 35%

###### Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn

- \* Địa chỉ: Số 8 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 35,04%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 35,04%

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

##### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Chủ tịch HĐQT có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

#### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

##### 8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

##### 9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

##### 10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm:

- Giá trị thương hiệu là phần giá trị mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con và được phân bổ trong vòng 20 năm.
- Lợi thế quyền thuê đất mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế quyền thuê đất được phân bổ theo thời gian còn lại của từng hợp đồng thuê đất.
- Vùng nguyên liệu: Giá trị hợp lý của vùng nguyên liệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn. Giá trị hợp lý vùng nguyên liệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 18 năm.
- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.
- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

##### 11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chi theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

#### 13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

#### 14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

##### 16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	12.190.230.740	2.266.361.426
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	131.779.836.965	154.306.231.118
Các khoản tương đương tiền (*)	25.100.000.000	454.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>169.070.067.705</b>	<b>610.572.592.544</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn (*)	1.038.056.972.919	1.038.056.972.919	-	30.262.808.598	30.262.808.598	-
Dài hạn	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.038.056.972.919</b>	<b>1.038.056.972.919</b>	<b>-</b>	<b>30.262.808.598</b>	<b>30.262.808.598</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản tiền công ty gửi tiết kiệm tại các ngân hàng từ trên 3 tháng đến 1 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý
<b>(*) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>289.935.036.568</b>	<b>190.592.784.000</b>	<b>240.246.498.998</b>	<b>176.988.312.000</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	84.244.981.104	148.772.784.000	82.239.117.524	176.988.312.000
Công ty cổ phần chè Kim Anh	-	-	-	-
Công ty chè Phú Đa	115.096.611.087	-	113.866.383.566	-
Công ty cổ phần chè Trần Phú	1.946.916.287	-	1.864.047.287	-
Công ty CP Lâm Nghiệp Sài Gòn	44.550.908.721	41.820.000.000	42.276.950.621	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK súc sản Gia cầm Hải Phòng	6.372.478.920	-	-	-
Công ty Cổ phần Gà Giống Châu Thành	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống Gia Cầm Miền Nam	6.246.509.697	-	-	-
Công ty Cổ phần Việt Phong	7.037.546.557	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao	1.202.609.751	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh	2.816.292.931	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống & Vật tư chăn nuôi Bắc Trung Bộ	655.178.167	-	-	-
Công ty CP Phát triển Giống gia súc Miền Trung	986.976.291	-	-	-
Công ty Cổ phần An Đại Việt	-	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	6.249.803.160	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ	2.794.331.360	-	-	-
Công ty CP Thương mại dịch vụ phát triển Đông Á	9.733.892.535	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
(*) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	257.146.698.951	-	(4.457.663.646)	288.918.085.791	81.197.121.600	-
Công ty Cổ phần sữa Đà Lạt	4.257.100.000	-	(1.657.663.646)	-	-	-
Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Trung Ương	17.609.383.826	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến XNK	4.685.428.501	-	-	-	-	-
Công ty CP Lâm Nghiệp Thống Nhất	95.000.000.000	-	-	95.000.000.000	-	-
Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP	-	-	-	65.084.128.991	81.197.121.600	-
Công ty CP chè Thái nguyên	177.000.000	-	-	177.000.000	-	-
Công ty cổ phần chè Hà Tĩnh	364.672.800	-	-	364.672.800	-	-
Công ty CP Granite Phú Yên	30.600.000.000	-	-	30.600.000.000	-	-
Công ty CPKD Thái Bình Dương	140.000.000	-	-	140.000.000	-	-
Vườn Quốc Gia Ba Vì	-	-	-	-	-	-
Công ty CP NLN Châu Giang	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nông Hải Súc sản Sài Gòn	4.098.734.693	-	(2.800.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần ĐTP&XNK Gia cầm	2.616.885.131	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	-	-	79.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	45.210.000	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	52.284.000	-	-	52.284.000	-	-

(\*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, căn trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2017. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa có đầy đủ cơ sở cho việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. Phải thu của khách hàng**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	115.407.661.102	183.568.019.045
Phải thu của khách hàng dài hạn	4.932.176.006	4.932.176.006
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>120.339.837.108</u></b>	<b><u>188.500.195.051</u></b>

**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	25.725.691.468	20.153.438.899
Trả trước tiền mua cổ phần (*)	-	1.266.387.080.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>25.725.691.468</u></b>	<b><u>1.286.540.518.899</u></b>

(\*) Khoản trả trước cho người bán tại 01/01/2017 là khoản ứng trước để mua cổ phần của Tổng công ty Chăn nuôi – Vilico nhằm mục đích nâng tỷ lệ sở hữu lên 65% theo Nghị quyết HĐQT số 29/2016/NQ/HĐQT ngày 23/11/2016.

**4. Phải thu khác**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b><u>509.116.231.552</u></b>	<b><u>452.465.813.804</u></b>
Phải thu về cổ phần hoá	351.943.223.549	304.390.957.569
Phải thu tiền bán cổ phần	13.000.000.000	-
Phải thu về tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	37.486.903.710	3.362.380.174
Tạm ứng	29.718.114.766	31.583.572.851
Ký cược, ký quỹ	12.829.300.390	20.872.055.927
Phải thu khác	64.138.689.137	92.256.847.283
<b>Dài hạn</b>	<b><u>6.937.605.840</u></b>	<b><u>30.030.000.000</u></b>
Phải thu dài hạn khác	6.937.605.840	30.030.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>516.053.837.392</u></b>	<b><u>482.495.813.804</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	179.243.970.648	(707.341.017)	26.531.401.788	-
Công cụ, dụng cụ	8.473.470.711	(4.296.553.764)	2.787.850.581	-
Chi phí SX, KD dở dang	36.571.283.481	(3.016.224.880)	10.884.766.930	-
Thành phẩm	166.617.060.851	-	23.548.673.025	-
Hàng hóa	14.966.630.973	-	10.598.908.346	-
Hàng gửi bán	1.785.021.178	-	10.468.361	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>407.657.437.842</b>	<b>(8.020.119.661)</b>	<b>74.362.069.031</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
<b>Ngắn hạn</b>	<b>487.747.786</b>	<b>831.165.497</b>
Công cụ, dụng cụ phân bổ	221.000.387	600.602.063
Các khoản khác	266.747.399	230.563.434
<b>Dài hạn</b>	<b>645.965.353.851</b>	<b>9.343.471.071</b>
Thương hiệu	308.932.840.790	-
Lợi thế quyền thuê đất	258.156.145.512	-
Vùng nguyên liệu	46.693.629.529	-
Công cụ, dụng cụ phân bổ	15.594.470.700	1.275.551.226
Chi phí nội thất văn phòng làm việc	2.762.240.176	3.361.832.247
Tiền thuê đất	1.282.299.105	458.058.171
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	2.277.228.751
Chi phí tư vấn địa chính	-	782.591.667
Các khoản khác	12.543.728.039	1.188.209.009
<b>Tổng cộng</b>	<b>646.453.101.637</b>	<b>10.174.636.568</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	217.752.177.161	162.606.862.599	20.296.005.980	1.852.242.586	16.065.190.695	418.572.479.021
Tăng trong kỳ	7.495.126.955	94.466.666.706	3.059.710.910	248.902.272	418.502.502	105.688.909.345
Tăng do hợp nhất kinh doanh	345.809.582.336	681.922.011.450	77.603.604.449	873.177.744	128.868.780.213	1.235.077.156.192
Giảm trong kỳ	1.127.602.426	16.553.186.396	3.612.776.775	85.003.846	22.861.546.386	44.240.115.829
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>569.929.284.026</b>	<b>922.442.354.359</b>	<b>97.346.544.564</b>	<b>2.889.318.756</b>	<b>122.490.927.024</b>	<b>1.715.098.428.729</b>
<b>Giá trị mòn lũy kế</b>						
Số đầu kỳ	118.328.492.172	59.649.161.149	10.707.226.228	1.070.967.700	12.733.708.983	202.489.556.232
Tăng trong kỳ	197.087.169.404	419.438.961.926	46.847.456.458	851.623.688	46.246.145.399	710.471.356.875
Khấu hao trong kỳ	33.576.711.904	60.665.897.081	11.633.933.469	381.678.934	10.207.402.818	116.465.624.206
Tăng do hợp nhất kinh doanh	163.510.457.500	358.773.064.845	35.213.522.989	469.944.754	36.038.742.581	594.005.732.669
Thanh lý, nhượng bán	459.312.341	13.807.706.076	3.082.218.430	41.386.600	8.550.037.290	25.940.660.737
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>314.956.349.235</b>	<b>465.280.416.999</b>	<b>54.472.464.256</b>	<b>1.881.204.788</b>	<b>50.429.817.092</b>	<b>887.020.252.370</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	99.423.684.989	102.957.701.450	9.588.779.752	781.274.886	3.331.481.712	216.082.922.789
Số cuối kỳ	254.972.934.791	457.161.937.360	42.874.080.308	1.008.113.968	72.061.109.932	828.078.176.359

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2017	01/01/2017
Công trình xây dựng	27.939.655.040	50.374.354.188
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	852.390.018	696.391.400
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.792.045.058</b>	<b>51.070.745.588</b>

**9. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	41.128.463.389	41.128.463.389	199.024.097.601	236.808.452.225	78.912.818.013	78.912.818.013
Vay dài hạn	2.369.074.609	2.369.074.609	2.750.000.000	97.750.000.000	97.369.074.609	97.369.074.609
<b>Cộng</b>	<b>43.497.537.998</b>	<b>43.497.537.998</b>	<b>201.774.097.601</b>	<b>334.558.452.225</b>	<b>176.281.892.622</b>	<b>176.281.892.622</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**10. Phải trả người bán**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	113.307.442.694	80.923.239.518
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>113.307.442.694</u></b>	<b><u>80.923.239.518</u></b>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Thuế giá trị gia tăng	7.376.529.197	8.436.733.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.372.297.410	4.514.496.200
Thuế thu nhập cá nhân	893.068.783	666.407.110
Thuế tài nguyên	4.597.641	2.203.248
Thuế nhà đất và tài nguyên đất	1.377.796.387	2.118.705.555
Các loại thuế khác	509.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	166.612	1.519.403.900
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>14.024.965.030</u></b>	<b><u>17.257.949.136</u></b>

**12. Phải trả khác**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b><u>442.783.386.942</u></b>	<b><u>392.592.687.465</u></b>
Kinh phí công đoàn	516.522.652	379.482.873
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	392.230.580	204.860.485
Phải trả về cổ phần hóa và phải trả khác	360.090.137.728	360.090.137.728
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	81.784.495.982	31.918.206.379
<b>Dài hạn</b>	<b><u>2.516.840.000</u></b>	<b><u>51.000.000</u></b>
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	2.516.840.000	51.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**13. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
<b>Số đầu kỳ trước</b>	<b>748.000.000.000</b>	-	-	<b>1.128.956.762</b>	<b>(47.896.865.264)</b>	<b>683.081.038</b>	<b>221.299.709</b>	<b>101.951.485.611</b>	<b>146.563.196.533</b>	<b>950.651.154.389</b>	-	-	-	-	<b>1.997.042.505.974</b>			
Tăng vốn trong kỳ trước	1.752.000.000.000	245.042.505.974	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	514.494.741	26.373.840	-	322.740.477	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>245.042.505.974</b>	<b>1.128.956.762</b>	<b>(47.896.865.264)</b>	<b>1.197.575.779</b>	<b>247.673.549</b>	<b>28.263.859.284</b>	<b>47.216.384.006</b>	<b>2.775.200.090.090</b>	<b>47.216.384.006</b>	<b>2.775.200.090.090</b>	<b>47.216.384.006</b>	<b>2.775.200.090.090</b>	<b>47.216.384.006</b>	<b>2.775.200.090.090</b>	<b>47.216.384.006</b>	<b>2.775.200.090.090</b>	<b>2.775.200.090.090</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>245.042.505.974</b>	<b>1.128.956.762</b>	<b>(47.896.865.264)</b>	<b>1.197.575.779</b>	<b>247.673.549</b>	<b>28.263.859.284</b>	<b>47.216.384.006</b>	<b>2.775.200.090.090</b>	<b>47.216.384.006</b>	<b>2.775.200.090.090</b>	<b>47.216.384.006</b>	<b>2.775.200.090.090</b>	<b>47.216.384.006</b>	<b>2.775.200.090.090</b>	<b>47.216.384.006</b>	<b>2.775.200.090.090</b>	<b>2.775.200.090.090</b>
Tăng do hợp nhất Vilico	-	-	-	(97.053.812.877)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	12.288.358.701	(14.979.322.579)	-	118.048.471.661	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-	(38.329.582)	653.288.854	(131.864.613.114)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do tăng sở hữu Vilico sau khi đã kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(22.290.617.742)	(85.104.064.005)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>245.042.505.974</b>	<b>1.128.956.762</b>	<b>(144.950.678.141)</b>	<b>13.485.934.480</b>	<b>209.343.967</b>	<b>6.083.600.318</b>	<b>1.136.209.589.810</b>	<b>3.757.209.253.170</b>	<b>1.136.209.589.810</b>	<b>3.757.209.253.170</b>	<b>1.136.209.589.810</b>	<b>3.757.209.253.170</b>	<b>1.136.209.589.810</b>	<b>3.757.209.253.170</b>	<b>1.136.209.589.810</b>	<b>3.757.209.253.170</b>	<b>3.757.209.253.170</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	250.000.000	250.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	250.000.000	250.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.000.000	250.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.000.000	250.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>823.815.549.437</b>	<b>501.712.843.063</b>	<b>3.788.534.771.645</b>
Doanh thu bán hàng	821.300.025.230	501.712.843.063	3.780.765.636.912	1.822.420.845.432
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.515.524.207	-	7.769.134.733	-
<b>Các khoản giảm trừ DT</b>	<b>1.013.806.255</b>	<b>1.639.861.906</b>	<b>7.151.532.607</b>	<b>1.540.394.085</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>822.801.743.182</b>	<b>500.072.981.157</b>	<b>3.781.383.239.038</b>	<b>1.820.880.451.347</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	Giá vốn hàng bán	757.154.588.202	480.187.746.556	3.333.318.103.982
Giá vốn dịch vụ	1.318.451.792	-	3.866.773.133	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>758.473.039.994</b>	<b>480.187.746.556</b>	<b>3.337.184.877.115</b>	<b>1.743.365.497.071</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.276.754.970	6.729.465.028	74.982.257.441	10.999.944.013
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.306.700.300	3.016.000.000	8.793.065.874	3.016.000.000
Lãi BH trả chậm, CK thanh toán	1.072.746.467	-	5.561.447.422	687.416.160
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-	6.565.300.852	11.088.736.036
Lãi chênh lệch tỷ giá	109.367.858	48.700.353	228.473.190	159.057.595
Doanh thu tài chính khác	-	190.460.008	18.141.141.337	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.765.569.595</b>	<b>9.984.625.389</b>	<b>114.271.686.116</b>	<b>25.951.153.804</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền vay	844.017.083	5.308.013.926	4.020.405.031	23.654.774.684
Lỗ chênh lệch tỷ giá	143.999.903	71.701.718	373.525.520	167.286.562
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(187.618.393)	-	258.372.952
Chi phí tài chính khác	512.268.355	11.622.007.905	1.264.907.648	489.873.939
Các khoản giảm chi phí tài chính	-	(3.721.613.637)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.500.285.341</b>	<b>13.092.491.519</b>	<b>5.658.838.199</b>	<b>24.570.308.137</b>

**5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	76.561.615.308	6.989.874.374	267.562.997.550	19.471.525.045
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	19.395.151.220	11.342.950.904	143.737.883.509	54.616.788.425
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.956.766.528</b>	<b>18.302.825.278</b>	<b>411.300.881.059</b>	<b>74.088.313.470</b>

**6. Thu nhập khác**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.356.551.661	125.693.200	2.481.846.174	125.876.027
Thanh lý, nhượng bán vật tư, thành phẩm	-	-	427.194.428	4.846.214.365
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	238.788.147	-	583.813.371	-
Thu nhập từ cho thuê tài sản	437.811.828	-	437.811.828	-
Khoản lãi vay được miễn	6.076.465.198	-	-	-
Các khoản khác	3.466.573.596	10.354.647.147	24.928.895.158	13.684.135.077
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.576.190.430</b>	<b>10.480.340.347</b>	<b>28.859.560.959</b>	<b>18.656.225.469</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**7. Chi phí khác**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lỗ thanh lý TSCĐ	7.179.041.810	125.693.200	11.370.674.789	3.176.906.737
Giá trị còn lại vật tư, TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán vật tư, TSCĐ	29.067.687	-	5.187.530.145	-
Các khoản bị phạt	-	-	453.012.467	3.483.505.049
Chi phí từ cho thuê tài sản	-	-	-	-
Các khoản khác	7.104.863.820	4.986.348.255	9.768.228.239	3.633.813.432
<b>Cộng</b>	<b>14.312.973.317</b>	<b>5.112.041.455</b>	<b>26.779.445.640</b>	<b>10.294.225.218</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(797.824.442)	656.432.270	14.973.152.923	5.523.943.358
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	<b>(797.824.442)</b>	<b>656.432.270</b>	<b>14.973.152.923</b>	<b>5.523.943.358</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(6.710.014.443)	7.180.306.660	14.436.392.501	15.961.629.305
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.710.014.443)	7.180.306.660	14.436.392.501	15.961.629.305
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	250.000.000	198.351.648	250.000.000	158.738.251
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(27)</b>	<b>36</b>	<b>58</b>	<b>101</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin các bên liên quan****Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Chi tiết các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 2.2 và 2.3 – Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

---

#### **VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

##### **2. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

##### ***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Trong kỳ, Công ty hoạt động kinh doanh thương mại theo các khu vực địa lý khác nhau, và mỗi khu vực địa lý kinh doanh mỗi mặt hàng riêng biệt. Vì vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận theo các lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo các lĩnh vực kinh doanh như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****2. Báo cáo bộ phận**

	Đơn vị tính: VND					
	Nông Sản	Sản phẩm Nhựa	Sản phẩm Chè	Sản phẩm Chăn nuôi	Hoạt động khác	Cộng
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng	450.471.800.801	97.997.170.559	495.700.788.716	2.711.650.463.035	25.563.015.927	3.781.383.239.038
Giá vốn của hàng hóa đã bán	(449.332.218.719)	(84.015.460.101)	(473.273.714.161)	(2.302.553.029.711)	(28.010.454.423)	(3.337.184.877.115)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	1.139.582.082	13.981.710.458	22.427.074.555	409.097.433.324	(2.447.438.496)	444.198.361.923
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	(411.300.881.059)
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	-	114.271.686.116
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(5.658.838.199)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	28.859.560.959
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(26.779.445.640)
Phân lãi (lỗ) trong Cty liên kết	-	-	-	-	-	(311.820.658)
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	-	-	-	-	-	143.278.623.442
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	10.793.759.280
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-	-	132.484.864.162
<b>TÀI SẢN</b>						
Tài sản bộ phận	-	22.241.971.240	25.177.890.801	35.626.650.138	32.361.148.923	115.407.661.102
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	4.624.701.431.664
<b>Tổng tài sản</b>	-	-	-	-	-	4.740.109.092.766
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>						
Nợ phải trả bộ phận	-	5.002.590.929	21.985.406.713	85.582.946.409	736.498.643	113.307.442.694
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	865.092.796.902
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	-	-	-	978.400.239.596

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

##### 3. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018



TẠ VĂN QUYỀN  
Chủ tịch HĐQT

HOÀNG MẠNH CƯỜNG  
Kế toán trưởng

LÂM THỊ THÚY MAI  
Người lập biểu